

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm

2. Bà Trần Thị Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương A, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 24, đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần D, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm B, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và

tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Dương A trình bày:

Chị và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 05/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc anh B không có trách nhiệm với gia đình. Từ năm 2018 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không liên lạc với nhau. Nay chị A nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên là Phạm C, sinh ngày 17/5/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị A là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu C. Do đó, chị A yêu cầu được tiếp tục được nuôi cháu C đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung không có.

Đối với bị đơn anh Phạm B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B, nhưng anh B cố tình trốn tránh, vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A. Theo ý kiến của Công an xã Q xác định: Anh Phạm B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Anh B thỉnh thoảng có mặt tại nơi cư trú. Anh B không đăng ký tạm trú, tạm vắng đến địa chỉ nào khác nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh B nên Tòa án thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Anh B và chị A kết hôn đến nay hơn 10 năm nhưng vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh B không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người chồng nên vi phạm nghiêm trọng Luật Hôn nhân và gia đình. Khi Tòa án mời làm việc anh B cố tình vắng mặt. Điều này cho thấy anh B không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án xử cho chị A được ly hôn anh B. Về con chung: Từ khi chị A, anh B sống ly thân. Chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo. Anh B không đến thăm nom, chăm sóc con chung nên đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Bảo cho chị A được quyền nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn:

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A; Xử cho chị A được ly hôn với anh B; Về con chung: Giao cháu Phạm C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Dương A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm B. Anh B có nơi cư trú tại thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm B có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành giao trực tiếp các văn bản tố tụng và tiến hành hòa giải được nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 25/5/2021, anh B vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương A và anh Phạm B được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 05/12/2011. Khi kết hôn anh chị tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018, chị A, anh B sống ly thân. Mỗi người sống một nơi, không liên lạc với nhau, anh B cũng không đến để thăm vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B đến để làm việc, hòa giải nhưng anh B cố tình trốn tránh, vắng mặt. Điều đó thể hiện anh B không còn mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Đến nay, chị A nhận thấy không còn tình cảm, không quan tâm đến anh B nữa.

Từ những lý do trên cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh B không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cho chị A được

ly hôn với anh B là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung tên là Phạm C, sinh ngày 17/5/2012.

Từ khi sống ly thân đến nay, chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C. Anh B thiếu trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc, chu cấp cùng chị A nuôi dưỡng cháu C. Hiện nay, cháu C đang có cuộc sống ổn định cùng chị A. Do đó, việc giao cháu C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Dương A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 59; Điều 81, Điều 82 Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương A đối với anh Phạm B về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương A được ly hôn anh Phạm B.

[2] Về con chung: Giao cháu Phạm C, sinh ngày 17/5/2012 cho chị Dương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị A không yêu cầu anh Phạm B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung, nợ chung không có.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Dương A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị A đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0001743 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Chị A đã nộp đủ án phí.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Ủy ban nhân dân phường M (Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 05/12/2011)
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Anh Liêm